

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất, hàng hóa cho Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.
- Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: 0236.3757567 giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ **08 giờ 00 ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến trước 16 giờ 00 ngày 14 tháng 8 năm 2025**. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: Theo Phụ lục đính kèm.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng.
- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 3 - 7 ngày kể từ ngày gọi hàng.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo quy định hiện hành.
- Đối với mỹ phẩm: cung cấp bản photo Phiếu CBMP kèm theo báo giá.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng website;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Công Đức

Phụ lục 1
BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Đính kèm Thư mời chào giá số /BVDL-KD ngày tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
1	Hàng hóa	Hộp đựng vật sắc nhọn	Hộp đựng chất thải lây nhiễm, sắc nhọn. Chất liệu nhựa HDPE, màu vàng y tế, nắp đậy kín màu đỏ, có vạch giới hạn mức độ đầy, đảm bảo khi vận chuyển vật sắc nhọn không bị bung, rơi ra ngoài. Dung tích $\geq 6,8$ lít	Hộp	500
2	Hàng hóa	Hộp inox tròn hấp dụng cụ	Đường kính 24 - 25cm	Cái	12
3	Hàng hóa	Hộp chữ nhật inox	Hộp chữ nhật inox kích thước 10x22 cm	Cái	12
4	Hàng hóa	Khay quả đậu	Khay quả đậu (20x12)cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ Dung sai: $\pm 5\%$	Cái	12
5	Hàng hóa	Hộp đựng bông cotton	Hộp đựng bông cotton đường kính 8cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ	Cái	12
6	Hàng hóa	Ổng đựng kèm (Ổng đựng dụng cụ y tế)	Ổng đựng kèm (Ổng đựng dụng cụ y tế) Chất liệu: Thép y tế không rỉ	Cái	12
7	Hàng hóa	Đèn cồn	Thể tích: 200ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt	Cái	10
8	Hàng hóa	Dầu soi kính	Dạng lỏng dung tích ≥ 500 mL/chai. Mật độ: 1.02 g/cm ³ (20°C). Độ nhớt: (20°C): 100 – 120 mPa.s Độ truyền (380nm; 1cm): $\geq 65\%$ Độ truyền (400nm; 1cm): $\geq 78\%$	ml	500
9	Hàng hóa (Hóa chất sát khuẩn)	Hóa chất Javel (NaClO)	Hóa chất Javel (NaClO) khử trùng trong y tế	Kg	1.000
10	Hàng hóa (Hóa chất sát khuẩn)	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme hiệu quả với mọi chất bẩn. Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ. Can ≥ 5 lít	Can	10

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
11	Hàng hóa (Hóa chất sát khuẩn)	Chloramine B	Hóa chất sát khuẩn dạng bột; dùng để sát trùng dụng cụ, các bề mặt tiếp xúc, nước. Hàm lượng clo hoạt tính $\geq 25\%$.	gam	50.000
12	Hàng hóa (Hóa chất sát khuẩn)	Chlorine	Hóa chất sát khuẩn dạng bột. Hàm lượng $\geq 70\%$	gam	40.000
13	Hóa chất	Paraffin	Paraffin type 6. Bao $\geq 0.9\text{kg}$	Bao	20
14	Hóa chất	Hóa chất thay thế Xylene	Là hỗn hợp pha trộn giữa các isoparaffinic aliphatic hydrocarbons. Không làm cứng mẫu trong thời gian dài. Dùng được với tất cả các loại máy xử lý mô và máy nhuộm tự động. Không benzene. Ít bay mùi.	Lít	24
15	Hóa chất	Hematoxylin	Thuốc thử dùng nhuộm hematoxylin và eosin (HE) thường quy và phản màu trong hóa mô miễn dịch.	Lít	2
16	Hóa chất	Eosin	Làm thuốc nhuộm tương phản cho hematoxylin trong phương pháp nhuộm mô học, nhuộm hematoxylin và eosin (HE).	Lít	2
17	Hoá chất	Keo dán lam	Tính năng: - Có thể trộn với tất cả các hóa chất làm sạch, kể cả các hóa chất thay thế xylene như Clear-Rite 3 - Khô nhanh chóng - Chết nền toluene - Đặc điểm quang học rõ ràng. - Không làm mờ vết nhuộm sau thời gian bảo quản lâu dài.	Chai	2
18	Hóa chất	Cồn 70 độ	Cồn y tế 70 độ. Chai ≥ 1 lít	Chai	700
19	Hóa chất	Cồn 90 độ	Cồn y tế 90 độ. Chai ≥ 1 lít	Lít	150
20	Hóa chất	Cồn tuyệt đối	Cồn y tế tuyệt đối. Chai ≥ 1 lít	Chai	100

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
21	Hóa chất	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm. Chứa Chlorhexidine gluconat 2% + chất làm mềm da. Can \geq 5 lít	Can	5
22	Hóa chất xét nghiệm Vi sinh	RPR - Carbon	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Bán định lượng kháng thể không đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai bằng phương pháp RPR - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: \geq 98% - Độ đặc hiệu: \geq 98,7% - Đóng gói: Thuốc thử, chứng âm, chứng dương, tấm card, que dàn mẫu. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Xuất xứ G7 	Test	9.000
23	Hóa chất xét nghiệm Vi sinh	TPHA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Bán định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai bằng phương pháp TPHA - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: \geq 99.3% - Độ đặc hiệu: \geq 99.7% - Đóng gói: Dung dịch pha loãng, chứng âm, chứng dương, Control cell, test cell. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Xuất xứ G7 	Test	7.500
24	Hóa chất Filler	Chất làm đầy da khắc phục tình trạng chùng và nếp nhăn ở mức độ sâu	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm đầy và tái tạo vùng gò má, hàm dưới, cằm - Thành phần: Hyaluronic acid từ 2,5% - 3,2% (tương đương 25mg/ml - 32mg/ml) có liên kết chéo, dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Chứa lidocaine - Kim 23G, cannula 25G, kim bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Vô khuẩn 	Ống	12
25	Hóa chất Filler	Chất làm đầy da xóa nếp nhăn ở mức độ trung bình và sâu	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm đầy và tái tạo vùng rãnh mũi má, nếp nhăn sâu và trung bình 	Ống	10

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Hyaluronic acid từ 2,0% - 3,2% (tương đương 20mg/ml - 32mg/ml) có liên kết chéo, dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Chứa lidocaine - Kim 23G, cannula 25G, kim bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt, đặc tính nhờn, độ đàn hồi cao, phân hủy sinh học của hyaluronic acid ổn định, không có nguồn gốc động vật - Vô khuẩn 		
26	Hóa chất Filler	Chất làm đầy tái tạo thể tích vùng gần mắt, vùng má	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm đầy và tăng thể tích vùng má, mắt - Thành phần: Hyaluronic acid từ 2,0% - 3,2% (tương đương 20mg/ml - 32mg/ml) có liên kết chéo, dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Chứa lidocaine - Kim 23G, cannula 25G, kim bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt, đặc tính nhờn, độ đàn hồi cao, phân hủy sinh học của hyaluronic acid ổn định, không có nguồn gốc động vật - Vô khuẩn 	Ống	15
27	Hóa chất Filler	Chất làm đầy da tạo hình đường nét môi, khắc phục tình trạng môi hở	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm đầy và tăng thể tích vùng môi, khắc phục tình trạng môi hở - Thành phần: Hyaluronic acid từ 2,0% - 3,2% (tương đương 20mg/ml - 32mg/ml) có liên kết chéo, dung dịch muối đệm phosphat vừa đủ - Chứa lidocaine - Kim 23G, cannula 25G, kim bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt, đặc tính nhờn, độ đàn hồi cao, phân hủy sinh học của hyaluronic acid ổn định, không có nguồn gốc động vật - Vô khuẩn 	Ống	5
28	Hóa chất Filler	Chất làm đầy có chứa lidocain dùng để tái tạo vùng da yêu cầu độ cứng cao	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm đầy và tái tạo vùng da yêu cầu độ cứng cao như vùng cằm, thái dương - Thành phần: Hyaluronic acid 20mg/ml có liên kết chéo - Chứa lidocaine - $G' = 284.207 \text{ Pa}$ - $G'' = 40.591 \text{ Pa}$ - Độ nhớt = 45.692 Pa.S - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ kim 23G, Cannula 25G 	Ống	20

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			- Dạng gel trong suốt - Vô khuẩn		
29	Hóa chất Filler	Chất làm đầy da có chứa lidocain dùng cho vùng da trung bình sâu	Mục đích: Làm đầy và tái tạo vùng môi, rãnh cười, nếp nhăn trung bình sâu - Thành phần: Hyaluronic acid 20mg/ml có liên kết chéo - Chứa lidocaine - $G' = 163.016 \text{ Pa}$ - $G'' = 29.575 \text{ Pa}$ - Độ nhớt = 26.368 Pa.S - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ kim 23G, Cannula 25G - Dạng gel trong suốt - Vô khuẩn	Ống	10
30	Hóa chất Filler	Chất làm đầy da có chứa lidocain dùng cho nếp nhăn nông	Mục đích: Làm đầy và tăng thể tích môi, làm đầy nếp nhăn tĩnh nông và trung bình - Thành phần: Hyaluronic acid 20mg/ml có liên kết chéo - Chứa lidocaine - $G' = 35.468 \text{ Pa}$ - $G'' = 14.041 \text{ Pa}$ - Độ nhớt = 6.071 Pa.S - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ kim 23G, Cannula 25G - Dạng gel trong suốt - Vô khuẩn	Ống	10
31	Hóa chất miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng nhân ANA IgG	Mục đích: Định tính các kháng thể IgG kháng kháng nguyên nhân trong huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA). Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng được phủ bởi các kháng nguyên dsDNA, histone, SSA, SSB, Sm, Sm/RNP, Scl-70, Jo-1, centromere và các kháng nguyên khác được tách chiết từ nhân Hep-2, Chứng âm, Chứng dương, Đệm rửa đậm đặc, Enzyme liên hợp, Chất tạo màu/ Cơ chất, Axit Sulphuric, Dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bề rời - Mẫu phân tích: Huyết thanh/ huyết tương	Test	192

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 		
32	Hóa chất miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng chuỗi kép IgG anti dsDNA	<p>Mục đích: Định lượng kháng thể IgG kháng ds DNA trong huyết tương và huyết thanh người bằng phương pháp Elisa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phản ứng, bộ chất đựng đường cong chuẩn, dung dịch đệm rửa đậm đặc, enzyme liên hợp, chất tạo màu/ cơ chất, Axit Sulphuric, dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bề rời - Mẫu phân tích: Huyết thanh/ Huyết tương - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 	Test	192
33	Hóa chất miễn dịch	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng nhân bộ 8(ANA 8 Profile)	<p>Mục đích: Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Ro/SSA60KDa, Ro/SSA52KDa, La/SSB, RNP-68, Sm, Scl-70, Jo-1, CENP-B bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần bộ xét nghiệm tối thiểu gồm có : Khay vi giếng được phủ kháng nguyên ; chứng âm; chứng dương; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; Axit Sulphuric; dung dịch pha loãng mẫu; miếng dán khay. - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh/ Huyết tương - Tổng thời gian ủ ≤ 105 phút - Độ đặc hiệu chẩn đoán: $\geq 98\%$ - Độ nhạy chẩn đoán: $\geq 98\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 	Test	12
34	Hóa chất phát hiện kháng thể	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun lươn	<p>Mục đích: phát hiện kháng thể kháng giun lươn bằng phương pháp ELISA</p> <p>Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung</p>	Test	2.680

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
	kháng giun sán		<p>dịch rửa, cơ chất TMB, Dung dịch dừng phản ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian ủ ≤ 20 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ nhạy: ≥ 99% - Độ đặc hiệu: ≥ 99% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 		
35	Hóa chất phát hiện kháng thể kháng giun sán	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun đũa chó mèo	<p>Mục đích: Định tính kháng thể IgG kháng lại Toxocara trong huyết thanh/ huyết tương người bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA)</p> <p>Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB, dung dịch dừng phản ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Thời gian ủ ≤ 20 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: ≥ 87% - Độ đặc hiệu: ≥ 93% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 	Test	4.608
36	Hóa chất phát hiện kháng thể kháng giun sán	Hoá chất phát hiện kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	<p>Mục đích : Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma trong huyết thanh người bằng phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA).</p> <p>Thành phần tối thiểu gồm có: khay phản ứng, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Thời gian ủ ≤ 50 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: ≥ 93% - Độ đặc hiệu: ≥ 99% 	Test	2.400

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 		
37	Hóa chất phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng nguyên lõi Vi rút Hepatitis B	<p>Mục đích: xác định kháng thể kháng nguyên lõi virus viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp : Xét nghiệm Miễn dịch Enzyme Cạnh tranh - Thành phần bộ xét nghiệm tối thiểu gồm có: Khay vi giếng phản ứng, chứng âm, chứng dương, chất hiệu chuẩn, đệm rửa đậm đặc, enzyme liên hợp, cơ chất, chất pha loãng mẫu, acid sulfuric, tấm dán khay - Tổng thời gian ủ ≤ 140 phút, - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bề rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ đặc hiệu chẩn đoán: $\geq 99.3\%$ - Độ nhạy chẩn đoán: $\geq 94.9\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 	Test	192
38	Hóa chất phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan	Thuốc thử xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng nguyên lõi Vi rút Hepatitis B	<p>Mục đích: Xác định định tính /định lượng kháng thể IgM kháng nguyên lõi Virus Viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Xét nghiệm Miễn dịch Enzyme (ELISA) - Thành phần bộ xét nghiệm tối thiểu: Khay vi giếng phản ứng, bộ chất dựng đường chuẩn, dung dịch rửa đậm đặc, enzyme liên hợp, dung dịch pha loãng mẫu, huyết thanh chứng, cơ chất, acid sulfuric, tấm dán khay - Mẫu phân tích: Huyết thanh/ Huyết tương - Tổng thời gian ủ ≤ 140 phút - Độ nhạy chẩn đoán: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu chẩn đoán: $\geq 98\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 	Test	192
39	Hóa chất phát hiện kháng thể	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng vi rút Hepatitis C	<p>Mục đích: Phát hiện kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) 	Test	384

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
	kháng virus viêm gan		<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phản ứng; chứng âm; chứng dương; chất hiệu chuẩn; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; dung dịch pha loãng xét nghiệm; acid sulfuric; pha loãng mẫu; miếng dán khay - Tổng thời gian ủ ≤ 105 phút - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương - Độ đặc hiệu chẩn đoán: $\geq 99\%$ - Độ nhạy chẩn đoán: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy xét nghiệm Etimax 3000 		
40	Hóa chất xét nghiệm	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Chlamydia trachomatis (Chlamydia trachomatis test nhanh)	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Phát hiện định tính trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Nguyên lý: Sắc kí miễn dịch - Mẫu thử: Dịch cổ tử cung/ dịch niệu đạo/ nước tiểu. - Dạng: Khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong túi riêng kèm hút ảm - Ngưỡng phát hiện: $\leq 5 \times 10^4$ IFU/ml - Độ nhạy: $\geq 93\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Test	1.500
41	Hóa chất xét nghiệm	Que thử nước tiểu 10 thông số	<ul style="list-style-type: none"> Phù hợp với máy Mission U120, có thể đọc bằng mắt, Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU), Dạng que 	Test	4.100
42	Hóa chất xét nghiệm	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán HIV	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện định tính kháng thể HIV1 và/ hoặc HIV 2 - Nguyên lý: sắc kí miễn dịch - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Độ nhạy tương đối: $\geq 99,3\%$ 	Test	2.940

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,1\%$ - Độ chính xác tương đối: $\geq 99,4\%$ 		
43	Hóa chất xét nghiệm	Hóa chất ngoại kiểm giang mai	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình ngoại kiểm Giang mai. - Có chu kỳ bắt đầu tháng 7 hàng năm. - Có bài báo cáo phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. - Dạng lỏng, 100% huyết thanh người, bảo quản ở nhiệt độ 2-8 độ C. 	Hộp	2
44	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất ngoại kiểm Huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: ngoại kiểm xét nghiệm Huyết học - Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). - Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm, phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. 	Hộp	4
45	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất ngoại kiểm Sinh hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Ngoại kiểm các xét nghiệm sinh hoá - Đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). - Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn 	Hộp	2
46	Hóa chất xét nghiệm	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Giang mai (Treponema pallidum test nhanh)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. - Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50uL - Đạt tiêu chuẩn: CE IVD - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. - Xuất xứ: G7 	Test	3.900
47	Hóa chất xét nghiệm	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích: Bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu cho các dị nguyên hô hấp, dị nguyên thức ăn, dị nguyên tiếp xúc Mẫu phân tích: Huyết thanh/ Huyết tương Các tác nhân phát hiện: ≥ 30 Thành phần thuốc thử: Pette phản ứng và hóa chất đi kèm 	Test	1.880

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			Phù hợp cho máy CLA-1 Luminometer Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương		
48	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: pha loãng máu toàn phần để đo các thành phần tế bào máu - Thành phần chính: <ul style="list-style-type: none"> + Sodium chloride < 0.9% + Potassium chloride < 0.06% + Đệm (Buffer) < 0.3% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.1% - Dung tích $\geq 20L$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Thùng	50
49	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Dung dịch đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: đo 3 thành phần bạch cầu Trung tính, lympho, mono trong máu -Thành phần chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1.5% + Đệm (Buffer) < 2.0% + Chất bảo quản (Preservative) < 1.5% + Thuốc nhuộm (Dye) < 1.0% - Dung tích $\geq 1L$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Chai	40
50	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Dung dịch đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: đo 2 thành phần bạch cầu Eosin, baso trong máu - Thành phần chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chất tẩy rửa (Detergent) < 0.5% + Đệm (Buffer) < 0.6% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.7% - Dung tích $\geq 500ml$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Chai	24

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
51	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Dung dịch đo Hemoglobin trong máu toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: đo hemoglobin trong máu - Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 4.0% + Đệm (Buffer) < 1.0% - Dung tích ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Chai	25
52	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máu nội kiểm huyết học 5 thành phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Máu nội kiểm huyết học - Thành phần chính: máu toàn phần (người/động vật) có giá trị tham chiếu - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Lọ	4
53	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: tách chiết DNA/RNA - Phương pháp: Tách cột Silica - Phương thức: tách thủ công - Dùng cho mẫu: tế bào nuôi cấy, vi khuẩn, tế bào người, mẫu mô. - Thành phần hóa chất không chứa Phenol/Chloroform - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương 	Test	1.440
54	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR	Bộ kit định tính HPV	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Human Papilloma Virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng âm, chứng dương, chứng nội, PCR tube - Độ nhạy ≤ 10 copies/ phản ứng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	1.188
55	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR	Bộ kit định tính và định type HSV1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính và định type Herpes simplex virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng nội, chất hiệu chuẩn. - Loại mẫu: Dịch cơ thể, huyết tương. 	Test	120

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent		
56	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR	Bộ kit định tính đồng thời Neisseria gonorrhoeae và Chlamydia trachomatis	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Neisseria gonorrhoeae và Chlamydia trachomatis - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Neisseria gonorrhoeae/Chlamydia trachomatis rPCR mix, chứng nội, chứng dương, chứng âm - Loại mẫu: Mẫu dịch phết âm đạo/ niệu đạo hoặc hậu môn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	50
57	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR	Bộ kit định type HPV	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Xét nghiệm định tuýp 14 chủng nguy cơ cao (HPV 16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, 68) và 2 chủng nguy cơ thấp phổ biến (HPV 6,11) - Phương pháp: Công nghệ đầu dò Taqman probe - Thành phần hoá chất: PCR mix - Loại mẫu: mẫu dịch phết âm đạo/ niệu đạo hoặc sinh thiết cổ tử cung - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương 	Test	25
58	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Albumin	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Albumin trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng bromocresol green. - Dải đo: từ $\leq 0,15$ đến ≥ 8 g/dL - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	1
59	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang theo phương pháp Vanadate. - Dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 20 mg/dL - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 200 ml 	Hộp	2

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 		
60	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang theo phương pháp Vanadate. - Dải đo: từ ≤ 0.2 đến ≥ 40 mg/dL - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 200 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	2
61	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Creatinin	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Creatinine trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học không khử protein (Jaffé). - Dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 20 mg/dL - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	15
62	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Calci toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Calcium trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang, điểm cuối với Arsenazo III. - Dải đo: từ ≤ 0.65 đến ≥ 16 mg/dL - Thành phần: R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 	Hộp	1

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)		
63	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo CHOD-PAP - Dải đo: từ ≤ 4 đến ≥ 750mg/dL - Thành phần: R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	2
64	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Gamma-glutamyltransferase trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo Szasz - Dải đo: từ ≤ 4 đến ≥ 290 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 252 ml hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	11
65	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất định lượng Glucose	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Glucose trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym sử dụng hexokinase - Dải đo: từ ≤ 7 đến ≥ 700 mg/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	7

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
66	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Đo hoạt độ AST (GOT)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng ASAT (GOT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym chuẩn hoá IFCC - Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 700 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	30
67	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Đo hoạt độ ALT (GPT)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng ALT (GPT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym chuẩn hoá IFCC - Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 700 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	30
68	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Urê máu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Urea trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV theo Urease – GLDH - Dải đo: từ ≤ 3 đến ≥ 400 mg/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	13
69	Hóa chất xét nghiệm	Hóa chất Định lượng Triglycerides	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Triglycerides trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: So màu enzym UV sử dụng glycerol-3-phosphate-oxidase - Dải đo : từ ≤ 10 đến ≥ 1000 mg/dL 	Hộp	2

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
	thí nghiệm sinh hóa		<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 335 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 		
70	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Đo quang theo Phương pháp biuret - Dải đo: từ ≤ 0.2 đến ≥ 12 g/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	1
71	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng Acid Uric	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Uric Acid trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang enzymatic - Dải đo : từ ≤ 0.25 đến ≥ 30 mg/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 252 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy) 	Hộp	1
72	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Cholesterol Lipoprotein mật độ cao trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Ngưng kết miễn dịch và phản ứng enzymatic - Dải đo : từ ≤ 0.9 đến ≥ 180 mg/dL - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích ≥ 160 ml 	Hộp	4

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode và đặt được vào khay đựng hoá chất của máy)		
73	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính acid	`- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Oxalic acid - Dung tích ≥ 325 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	7
74	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính kiềm	`- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Ethanol amine - Dung tích ≥ 325 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	7
75	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh	`- Mục đích: hiệu chuẩn thử nghiệm hóa sinh - Dung tích ≥ 30 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	2
76	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất nội kiểm mức Bình thường cho các thử nghiệm hóa sinh	`- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bình thường - Dung tích ≥ 50 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	3
77	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất nội kiểm mức Cao cho các thử nghiệm hóa sinh	`- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bất thường (bệnh lý) - Dung tích ≥ 50 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7 - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	3

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
78	Mỹ phẩm	Mặt nạ dành cho da nám	Mặt nạ giúp làm trắng da, mờ vết nám Có số CBMP còn hiệu lực	gam/ml	4.000
79	Mỹ phẩm	Nước hoa hồng dành cho da nhờn mụn	Nước cân bằng dưỡng da, dành cho da dầu, dễ bị nổi mụn, giúp làm sạch da Có số CBMP còn hiệu lực	ml	10.000
80	Mỹ phẩm	Nước hoa hồng làm sạch sâu	Sản phẩm giúp làm sạch da, hỗ trợ ngăn ngừa mụn. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.000
81	Mỹ phẩm	Dung dịch làm mờ vết nám	Dung dịch giúp làm trắng da và mờ vết nám Có số CBMP còn hiệu lực	ml	3.000
82	Mỹ phẩm	Dung dịch hyaluronic	Dung dịch giúp cung cấp độ ẩm, cho da sáng, mịn Có số CBMP còn hiệu lực	ml	6.000
83	Mỹ phẩm	Gel rửa mặt giảm mụn	Gel rửa mặt giảm nhờn, giảm mụn trứng cá. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	13.000
84	Mỹ phẩm	Kem tẩy tế bào chết	Sản phẩm giúp tẩy tế bào chết. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	6.000
85	Mỹ phẩm	Dung dịch tẩy trang	Dung dịch tẩy trang. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	13.000
86	Mỹ phẩm	Kem chống nắng	Kem chống nắng SPF 50 hỗ trợ chống nắng, bảo vệ da dưới tác động tia UV. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.600
87	Mỹ phẩm	Sữa rửa mặt làm sáng da	Rửa mặt trắng sáng da, giúp làm sạch bụi bẩn, bã nhờn, không chứa cồn và các chất tạo màu. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	3.000
88	Mỹ phẩm	Kem bôi tê dùng trong thẩm mỹ	Thành phần có chứa Prilocaine, gây tê bề mặt da trước khi thực hiện các thủ thuật. Có số CBMP còn hiệu lực	gam	3.500
89	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù điều trị chuyên khoa đa kim tế bào gốc	Tinh chất giúp làm mờ vết nám, hỗ trợ làm trắng da	Sản phẩm giúp làm mờ vết nám, trắng da, giảm nếp nhăn và cải thiện độ ẩm cho da. Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.080

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
90	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Dung dịch làm sạch da	Dung dịch làm mềm da, se khít lỗ chân lông dùng trước peel da Có số CBMP còn hiệu lực	ml	2.500
91	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Mặt nạ dưỡng ẩm da	Mặt nạ dưỡng ẩm dành cho da mụn, làm dịu, se khít lỗ chân lông, giúp ngăn ngừa mụn sau khi sử dụng dung dịch peel da Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.875
92	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Dung dịch peel da mụn	Peel thích hợp với mọi loại da, giúp giảm mụn, mờ sẹo, se khít lỗ chân lông Có số CBMP còn hiệu lực	ml	2.000
93	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Kem làm tăng độ ẩm	Kem giúp làm tăng độ ẩm, tăng độ đàn hồi da sau khi sử dụng dung dịch peel da Có số CBMP còn hiệu lực	gam	5.000
94	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Dung dịch peel da nám	Peel giúp làm mờ nám, ngăn ngừa tăng sắc tố, se khít lỗ chân lông Có số CBMP còn hiệu lực	ml	1.700
95	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc thù peel da	Mặt nạ dưỡng da	Mặt nạ dưỡng sáng da, ngăn ngừa lão hóa da dùng trong peel da Có số CBMP còn hiệu lực	gam	1.500
96	Mỹ phẩm - Hàng hóa đặc	Dung dịch peel da trẻ hóa	Peel giúp làm giảm thâm, căng bóng, se khít lỗ chân lông Có số CBMP còn hiệu lực	ml	500

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
	thủ peel da				
97	Phụ kiện	Đầu kim nhựa	Đầu kim nano nhựa 18 mũi kim. Phù hợp cho máy đa kim Multi-Needling Pro	Cái	600
98	VTYT	Găng tay khám bệnh	Găng tay y tế size S, M. Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, chưa tiệt trùng	Đôi	154.000
99	VTYT	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Găng tay phẫu thuật vô trùng size 6,5, 7,0. Chế tạo từ Latex cao su tự nhiên, có bột, vô trùng	Đôi	3.000
100	VTYT	Găng tay vinyl	Găng tay vinyl size S, không vô trùng	Đôi	1.500
101	VTYT	Bơm tiêm 1ml có kim	Bơm tiêm nhựa 1ml liền kim, cỡ kim 23G, 25G. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Cái	15.000
102	VTYT	Bơm tiêm 3ml có kim	Bơm tiêm nhựa 3ml liền kim, cỡ kim 23G, 25G. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Cái	45.000
103	VTYT	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm 1ml. Kích cỡ kim: 30G (30Gx1/2"), chiều dài kim ≥ 16 mm. Chất liệu thân kim tiêm: thép không gỉ. Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: nhựa y tế. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	2.000
104	VTYT	Bơm tiêm 10ml có kim	Bơm tiêm nhựa 10ml liền kim, cỡ kim 23G, 25G. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng, có nắp chụp bảo vệ. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Cái	2.000
105	VTYT	Kim tiêm số 18	Kim tiêm số 18. Kim sắc bén, bề mặt trơn láng. Đầu kim 3 mặt vát, được phủ silicon. Chuôi kim bằng polypropylene. Không chứa độc tố DEHP.	cây	6.000
106	VTYT	Kim châm cứu	Thân kim được làm bằng thép không gỉ, cán kim được cuộn bằng sợi thép. Đóng gói tiệt trùng từng cây	cây	1.000
107	VTYT	Bông y tế thấm nước	Bông 100% sợi cotton tự nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút cao. Không độc tố và gây dị ứng	Kg	300
108	VTYT	Bông y tế 3cm x 3cm	Khối lượng: ≥ 500 g/ gói Thiết kế từng miếng, Kích thước: 3cm x 3cm Màng bông 100% bông xơ tự nhiên, an toàn	Gói	120

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			Công dụng: thấm máu, dịch từ vết thương, vết mổ, vệ sinh ngoài da và các bề mặt tiếp xúc.		
109	VTYT	Gạc phẫu thuật vô trùng	Gạc phẫu thuật 7cm x 11cm x 12lớp, vô trùng, 100% cotton	Cái	20.000
110	VTYT	Gạc hút nước khổ 1,2 mét x 2 mét/ lớp, không vô trùng	Kích thước: 1,2 mét x 2 mét /lớp, không vô trùng	mét	1.000
111	VTYT	Que tăm bông cán dài, không tiệt trùng	Que tăm bông dài ≥ 15 cm, không tiệt trùng	Cái	20.000
112	VTYT	Kim bướm các số	Kim bướm các số 21,23,25. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh + Silicon, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA hoặc CE	Cái	100
113	VTYT	Kim lòn tĩnh mạch ngoại vi có cánh có công tiêm số 22G, 24G	Kim lòn tĩnh mạch, làm bằng polyurethane, có cánh có công, số 22G, 24G. Thời gian lưu kim đến 72 giờ. Đầu kim 3 mặt vát, thành kim mỏng, giảm tổn thương. Bồn chứa máu làm từ polypropylene trong suốt	Cái	100
114	VTYT	Kim chích máu (lancet)	Kim chích lấy máu bệnh nhân Được sản xuất hoàn toàn từ thép không gỉ, đầu mũi kim được vát tam giác nhọn, thân đẹp dài ≥ 40 mm, được bọc giấy riêng lẻ, vô trùng từng cái	Cái	34.000
115	VTYT	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ các số, làm bằng thép carbon không gỉ hoặc tương đương, được tiệt trùng	Cái	5.000
116	VTYT	Ống nghiệm serum	- Kích thước 12 x 75mm. Nhãn và nắp màu đỏ, có chứa hạt Poly Styrene hình bi hoặc hình khối bên trong. - Vạch thể tích trên thân ống cho dung tích chính xác. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Ống	6.500
117	VTYT	Băng dính vải	Kích thước: 25mm x 6m hoặc tương đương; chất liệu vải không đàn dẹt, không chứa cao su	Cuộn	1.600
118	VTYT	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	1.000
119	VTYT	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	300
120	VTYT	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 12mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	700

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
121	VTYT	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid, số 7/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 13mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	200
122	VTYT	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0, dài 75 cm, Kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 22mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	48
123	VTYT	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0, dài 75 cm, Kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 17mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	150
124	VTYT	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0, dài 45 cm. Kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm. Tiêu chuẩn FDA	Sợi	700
125	VTYT	Băng dán hydrocolloid	Băng dán hydrocolloid kết hợp film polyurethane thoáng khí, chống thấm nước và ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập. Kích thước 10x10cm. Lưu băng lên tới 7 ngày tùy lượng dịch tiết, tình trạng vết thương. Tiệt trùng từng miếng bằng tia Gamma	Miếng	550
126	VTYT	Áo choàng phẫu thuật	Màu xanh đậm, dài tay, sử dụng dây thắt lưng sa, các cỡ S, M, L. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	140
127	VTYT	Mũ giấy phẫu thuật, vô trùng	Nguyên liệu gác không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ tóc. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	3.000
128	VTYT	Khăn đắp phẫu thuật 0,8 x 1,2m, vô trùng	Khăn đắp phẫu thuật 0,8 x 1,2m, vô trùng	Cái	2.000
129	VTYT	Gel điện tim	Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có formaldehyde và muối, không có mùi hôi và không gây độc hại	Chai	100
130	VTYT	Que đũa lưỡi gỗ	Chất liệu làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng. Đã tiệt trùng bằng khí EO	Cái	1.500
131	VTYT	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế ≥ 3 lớp, không vô trùng; có lớp vi lọc, thanh nẹp mũi, dây móc tai	Cái	50.000
132	VTYT	Bộ kit PRP	Bộ kit gồm: - Ống nghiệm lấy máu chân không: 02 ống - Kim lấy máu chân không (Kim bướm): 01 cái - Bông tam còn: 02 miếng - Giá đỡ ống nghiệm chân không: 01 cái - Băng dán cá nhân: 01 miếng - Bơm tiêm 10ml: 01 cái - Bơm tiêm 5ml: 01 cái	Bộ	260

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm 1ml: 01 cái - Đầu kim dài 18G: 01 cái - Đầu kim dài 10cm: 01 cái - Đầu kim dài 30G: 01 cái - Ống nghiệm chân không PRP 6ml: 02 ống - Màng lọc vô trùng: 01 cái - Đầu nối vô trùng: 01 cái - Eppendorf: 04 cái Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
133	VTYT	Gel bôi trơn	Không màu, không mùi, không tác dụng phụ. Gel tan trong nước, đã tiệt trùng	Hộp	20
134	VTYT	Giấy thử nhiệt độ hấp	Giấy thử nhiệt độ hấp 12mm x 55m. Băng keo chỉ thị nhiệt độ	Cuộn	3
135	VTYT	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, chống gãy gấp tác nghẽn, dài ≥ 200 cm	Cái	80
136	VTYT	Dây garo	Được làm bằng thun cotton. Khoá dán chắc chắn	Cái	50
137	VTYT	Huyết áp kế người lớn + Tai nghe	Huyết áp kế người lớn + Tai nghe	Cái	6
138	VTYT	Huyết áp kế trẻ em + Tai nghe	Huyết áp kế trẻ em + Tai nghe	Cái	1
139	VTYT	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân, thang đo đến 42 độ	Cái	20
140	VTYT	Tube đựng nước tiểu vô trùng	Tube đựng nước tiểu vô trùng. Có nhãn ghi thông tin người bệnh	Cái	8.000
141	VTYT	Mask oxy không túi	Chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế, không có Latex, không có DEHP	Cái	15
142	VTYT	Lamen 24x50 mm	Lamen 24x50mm ($\pm 5\%$), trong suốt. Quy cách ≥ 100 cái/ hộp	Hộp	10
143	VTYT	Lưỡi dao cắt mô	Lưỡi dao dùng để cắt mô, bệnh phẩm các cỡ	Cái	500

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
144	VTYT	Cassette	Cassette nhựa lưu trữ bệnh phẩm, có nắp	Cái	1.000
145	VTYT	Lam kính mài	Lam kính mài, Kích thước $\geq 25 \times 75$ mm. Hộp ≥ 72 cái	Hộp	50
146	VTYT	Test phát hiện định tính nhanh HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người.	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B - Nguyên lý: sắc ký miễn dịch - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong 1 túi nhôm - Độ nhạy tương đối: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 96,8\%$ - Độ chính xác: $\geq 98\%$ - Ngưỡng phát hiện ≤ 1 ng/mL 	Test	1.000
147	VTYT	Amikacin 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
148	VTYT	Ampicillin 10 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
149	VTYT	Azithromycin 15 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
150	VTYT	Cefotaxime 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
151	VTYT	Ceftriaxone 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
152	VTYT	Ciprofloxacin 5 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
153	VTYT	Clindamycin 2 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
154	VTYT	Đĩa giấy oxidase	Thực hiện thử nghiệm Oxidase	Khoanh	100
155	VTYT	Spectinomycin 100 (10 μ g)	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
156	VTYT	Imipenem 10 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
157	VTYT	Levofloxacin 5 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
158	VTYT	Nalidixic Acid 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
159	VTYT	Nitrofurantoin 300 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
160	VTYT	Penicillin 10UI	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
161	VTYT	Tetracycline 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
162	VTYT	Tobramycin 10 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
163	VTYT	Trimethoprim/Sulfamethoxazole 1,25/23,25 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
164	VTYT	Vancomycin 30 μ g	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
165	VTYT	Doxycyclin 30 μ l	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
166	VTYT	Gentamycin 30 μ l	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	50
167	VTYT	Cefixim	Thử nghiệm kháng sinh đồ. Khoanh giấy được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	Khoanh	100
168	VTYT	Bộ định danh vi khuẩn gram âm	Bộ định danh gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	Bộ	2
169	VTYT	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen tìm vi khuẩn kháng acid cồn. Gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue	Bộ	6
170	VTYT	Bộ thuốc nhuộm gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin.	Bộ	15

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
171	VTYT	Thạch Chromagar	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu	Đĩa	190
172	VTYT	Thạch Chromagar Candida	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập và phân biệt các loài Candida	Đĩa	40
173	VTYT	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - huyết tương thỏ đông khô	Môi trường nuôi cấy dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus	Lọ	50
174	VTYT	Thạch Mueller Hinton	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc	Đĩa	130
175	VTYT	Thạch nâu có VCN	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc được dùng phân lập chọn lọc vi khuẩn Neisseria	Đĩa	180
176	VTYT	Thạch nâu có bổ sung yếu tố X, V	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc	Đĩa	160
177	VTYT	Thuốc nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. Chai 100ml hoặc tương đương	Chai	6
178	VTYT	Ống nghiệm heparin	Kích thước 12x75mm Nắp màu đen. Hoá chất bên trong là chất kháng đông Heparin Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/ phút trong thời gian từ 5-10 phút	Cái	48.000
179	VTYT	Khay giếng sâu pha loãng 96 đáy	Khay pha loãng 96 giếng, đáy U Quy cách: 1 khay/ 1 túi	Cái	130
180	VTYT	Lamen 22x22mm	Lamen 22x22mm (\pm 5%), trong suốt. Quy cách \geq 100 cái/ hộp	Hộp	700
181	VTYT	Lam kính thường	Lam kính thường \geq 25 x 75 mm. Hộp \geq 72 cái	Hộp	800
182	VTYT	Que cấy nhựa vô trùng	Que cấy nhựa có cán gắn liền vòng khuyên, đóng gói vô trùng từng cái	Que	1.500
183	VTYT	Tube biopure vô trùng	Tube biopure 1,7ml, vô trùng từng cái	Cái	2.000
184	VTYT	Ống nghiệm EDTA	- Mục đích: sử dụng lấy mẫu cho xét nghiệm huyết học - Chất kháng đông: EDTA K2 - Chất liệu: Được làm bằng nhựa PP, nắp cao su - Kích thước \geq 12x75mm. Thể tích mẫu: 2ml	Cái	32.000

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
			- Vạch thể tích trên thân ống cho dung tích chính xác. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.		
185	VTYT	Đầu col vàng không khóa 200 μ L	Đầu col vàng không khóa 200 μ L	Cái	10.000
186	VTYT	Đầu col xanh không khóa 1000 μ L	Đầu col xanh không khóa 1000 μ L	Cái	10.000
187	VTYT	Găng tay không bột	Găng tay y tế size S,M chất liệu cao su thiên nhiên, không bột, chưa tiệt trùng	Đôi	1.000
188	VTYT	Gel siêu âm	Gel dùng trong chẩn đoán siêu âm y khoa, tan trong nước, không có chất ăn mòn, không mùi, không muối. Can ≥ 5 lít	Can	1
189	VTYT	Ống ly tâm eppendorf 1,5ml	- Chất liệu: nhựa dùng trong y tế, khi quay li tâm không bị vỡ, nứt - Thân ống trong dung tích 1.5ml, có nắp đậy - Không rò rỉ khi quay ngược ống máu; có vạch định mức - Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố	cái	500
190	VTYT	Sonde dạ dày	Chất liệu nhựa y tế mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc	Cái	10
191	VTYT	Sonde Foley	Tiệt trùng bằng EO, chất liệu latex, tráng silicon trong lòng ống	Cái	10
192	VTYT Elisa	Đầu col 300 μ l	Dùng hút bệnh phẩm, hóa chất, dung tích 300ul Phù hợp với máy ELISA tự động ETI - Max 3000 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	7.680
193	VTYT Elisa	Đầu col 1100 μ l	Dùng hút hóa chất, dung tích 1100ul Phù hợp với máy ELISA tự động ETI - Max 3000 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	3.840
194	Linh kiện theo máy	Bóng đèn Halogen	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá Sysmex BX 3010	Cái	2
195	Linh kiện theo máy	Cục hút khô trạm rửa	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá Sysmex BX 3010	Cái	2
196	Linh kiện theo máy	Bơm 20D	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá Sysmex BX 3010	Cái	2

Stt	Nhóm	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến mua sắm
197	Linh kiện theo máy	Bơm 30D	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá Sysmex BX 3010	Cái	1
198	Linh kiện theo máy	Filter lọc	Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hoá Sysmex BX 3010	Cái	20
199	Hàng hóa	Kéo cắt chỉ	Kéo thẳng, đầu nhọn, dài 10 - 11 cm, dùng để cắt chỉ nhỏ	Cái	13
200	Hàng hóa	Xe lăn	Chất liệu khung xe: Sắt sơn tĩnh điện/ inox không gỉ Bánh xe làm bằng cao su độ cứng cao, dễ dàng di chuyển Xe có thể xếp gọn khi không sử dụng Có phanh tay, có gác chân có thể tháo rời Khoảng cách từ bánh xe nhỏ tới vị trí ngồi ≥ 49 cm Chất liệu ghế ngồi và tựa tay: Da similli (hoặc tương đương) Trọng lượng ≤ 20 kg. Tải trọng ≥ 100 kg Kích thước: DxRxC: 100x63x90cm (Dung sai cho phép 10%)	Chiếc	3
201	VTYT	Test thử đường máu mao mạch	Test thử đường máu mao mạch. Phù hợp cho máy đo đường huyết Accu Chek Guide	Test	100
202	VTYT	Mask thở khí dung người lớn	Mask thở khí dung người lớn. Phù hợp cho máy xông khí dung Omron NE-C28	Cái	5
203	VTYT	Mask thở khí dung trẻ em	Mask thở khí dung trẻ em. Phù hợp cho máy xông khí dung Omron NE-C28	Cái	5
204	Hàng hóa	Cân sức khỏe	Cân sức khỏe cơ học Phạm vi đo: ≤ 20 kg đến ≥ 120 kg Giá trị độ chia: 500g Sai số: tối thiểu : ± 500 g, tối đa : ± 1500 g Chất liệu: Mặt kính nhựa AS trong suốt. Tấm lót, bảng tham khảo: nhựa ABS. Vỏ hộp cân được sơn tĩnh điện	Cái	3
205	Hàng hóa	Kéo thẳng, nhọn	Kéo thẳng, đầu nhọn, dài 18 cm, chất liệu thép không gỉ	Cái	20
206	Hàng hóa	Pine thẳng không máu	Pine thẳng không máu, dài 18cm, chất liệu thép không gỉ	Cái	40

Ghi chú: Đặc tính kỹ thuật quy định trong danh mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các Đơn vị cung cấp. Các Đơn vị có thể chào giá hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

Phụ lục 2**MẪU BÁO GIÁ VTYT, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM**

(Đính kèm Thư mời chào giá số /BVDL-KD ngày tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty*[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh; mã số thuế doanh nghiệp]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ y tế liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1										
2										
n										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm *[Ghi cụ thể ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*

3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5) , (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài. Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Phụ lục 4**MẪU BÁO GIÁ HÀNG HÓA, MỸ PHẨM, PHỤ KIỆN, LINH KIỆN THEO MÁY***(Đính kèm Thư mời chào giá số /BVDL-KD ngày tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)*

[Thông tin công ty...]

BẢNG BÁO GIÁ**Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, chúng tôi, Công ty hân hạnh gửi đến Quý Bệnh viện bảng báo giá cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1									
2									
...									

Đơn giá trên đã bao gồm VAT và các chi phí vận chuyển

Báo giá có hiệu lực

[Các thông tin khác.]

..., ngàytháng năm 2025

[TÊN CÔNG TY]

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)